

Bản án số: **73/2025/HN-ST**

Ngày: **27/6/2025**

“V/v ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Hiếu.

Ông Ngô Văn Đức.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị D, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 6 ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Hồ Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 28/5/2025.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 6 ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 2 năm 2024 và trong quá trình tố tụng sơ thẩm nguyên đơn Bà Hồ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh T sống chung với nhau và tổ chức lễ cưới từ năm 2000. Nhưng đến ngày 16/10/2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến khoảng 03 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống không hòa hợp dẫn đến cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Bà và ông T sống ly thân khoảng hơn 03 năm nay. Nay,

bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn được với ông T nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Quá trình sống chung, bà và ông T có một con chung tên Nguyễn Trung N, sinh ngày 24/8/2001. Khi ly hôn, con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tổng đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Thanh T các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Nguyễn Thanh T.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Hồ Thị D khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Thanh T. Ông Nguyễn Thanh T có hộ khẩu thường trú tại 677/AB1 ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Hồ Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 28/5/2025. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị D và ông Nguyễn Thanh T cưới nhau vào năm 2000 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/10/2006 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T được công nhận là hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống bà D và ông T sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời ông T để hòa giải nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ

chồng nhưng ông T không đến dự. Điều đó cho thấy ông T không còn muốn hàn gắn đối với mối quan hệ hôn nhân với bà D, chứng tỏ hôn nhân giữa bà D và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Hồ Thị D.

[3] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Trung N, sinh ngày 24/8/2001. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] *Về tài sản chung; nợ chung*: Bà Hồ Thị D khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] *Về án phí*: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Hồ Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Hồ Thị D đối với ông Nguyễn Thanh T. Cho Bà Hồ Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Trung N, sinh ngày 24/8/2001. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xét đến.

3. *Về tài sản chung; nợ chung*: Bà Hồ Thị D khai không có, nên không xét đến.

4. *Về án phí*:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007206 ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Vậy, bà Hồ Thị D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bà Hồ Thị D, ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thị Yến Nhi